Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

BÀI 10: DỊCH VỤ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.
- Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.
- Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với GV và các bạn khác trong lớp.
- *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực tìm hiểu địa lí:* khai thác và sử dụng hình 10.1, 10.2 – SGK trang 154 – trang 155 và thông tin trong bài đọc để tìm hiểu về nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của các ngành dịch vụ; mô tả đặc điểm phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông.
- *Năng lực nhận thức và tư duy địa lí:* Đọc bản đồ hình 10.1 – SGK trang 154, xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức địa lí đã học và sưu tầm thông tin để tìm hiểu về các ngành dịch vụ ở địa phương em.

Năng lực số:

- 1.2.TC2b: Thực hiện phân tích, diễn giải và đánh giá được dữ liệu, thông tin và nội dung số.
- 2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác.
- 2.4.TC2a: Lựa chọn được các công cụ và công nghệ số cho các quá trình hợp tác.
- 5.3.TC2b: Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân và tập thể để giải quyết các vấn đề khái niệm và tình huống có vấn đề khác nhau trong môi trường số.
- 6.1.TC2b: Thực hiện được các thao tác cơ bản trên các công cụ AI.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức (phần Địa lí).*
- Bảng số liệu, thông tin, tư liệu do GV sưu tầm về nội dung bài học *Dịch vụ*
- Phiếu học tập.
- Video AI được tạo bằng các công cụ AI để khởi động bài học.
- Máy tính kết nối Internet, màn hình tương tác thông minh/máy chiếu, bài giảng điện tử (PowerPoint/Canva), nền tảng trắc nghiệm (Quizizz/ Kahoot), công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT/Gemini/ Copilot, ảng trắng tương tác Padlet/Miro/Google Jamboard; Ứng dụng bản đồ địa lí số Google Earth/Google Maps.

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức (phần Địa lí).*
- Sưu tầm trên sách, báo, internet thông tin, tư liệu về nội dung bài học *Dịch vụ*

- Thiết bị số: Máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh (nếu điều kiện cho phép) có kết nối Internet.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh về một số sản phẩm nhập khẩu ở nước ta. HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về xuất xứ và những hoạt động kinh tế phải trải qua để đến tay người tiêu dùng của sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS xem video AI được thiết kế để phục vụ bài dạy và trả lời câu hỏi xuất hiện trong video đó.
- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh:



Hình 1: Thực phẩm chức năng



Hình 2: Mỹ phẩm



Hình 3: Thực phẩm



Hình 4: Phương tiện giao thông

- GV tạo một liên kết **Mentimeter** có 2 câu hỏi:

+ Sản phẩm này xuất xứ từ đâu?

+ Theo em, để đến được tay người tiêu dùng, sản phẩm này đã trải qua những hoạt động kinh tế nào?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng một số kiến thức đã học, kiến thức thực tiễn và trả lời câu hỏi.

- HS dùng thiết bị cá nhân truy cập link Mentimeter, gõ câu trả lời của mình.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS nêu ý kiến về xuất xứ và những hoạt động kinh tế phải trải qua để đến tay người tiêu dùng của các sản phẩm nhập khẩu.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

+ Để đến được tay người tiêu dùng, các sản phẩm nhập khẩu phải trải qua rất nhiều các hoạt động kinh tế như quá trình sản xuất, đóng gói, vận chuyển, logistic,...

+ Trong đó, có một số hoạt động kinh tế nằm trong ngành dịch vụ.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế nước ta và phát triển ngày càng đa dạng. Các nhân tố nào ảnh hưởng đến sự phát*

triển và phân bố các ngành dịch vụ? Một số ngành dịch vụ của nước ta phát triển ra sao? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – ***Bài 10: Dịch vụ.***

[1.2.TC2b: HS thực hiện phân tích, diễn giải dữ liệu hình ảnh và âm thanh từ nội dung số (video AI) để trả lời câu hỏi.

2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác (HS truy cập mã QR trên smartphone, dùng nền tảng số Mentimeter để gõ nhanh đáp án của mình, gửi đáp án ẩn danh lên đám mây từ. Công nghệ giúp tất cả HS cùng tương tác đồng thời).]

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin mục 1 SGK tr.152 – 153 và hoàn thành *Phiếu học tập số 1* và trả lời câu hỏi: *Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt HS vào hoạt động: *Dịch vụ là một trong ba khu vực kinh tế lớn, thu hút càng nhiều lao động, tạo việc làm, đem lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế.*	**1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ** ***a) Sự phát triển kinh tế*** - Sự phát triển kinh tế → *quyết định đến sự phát triển ngành dịch vụ.*	



- GV chia nhóm đôi, gửi link bài tập ghép nối trên nền tảng **Wordwall** hoặc **Google Jamboard** (phiên bản số của PHT số 1).

- GV hướng dẫn HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin mục 1 SGK tr.144 – tr.145, hoàn thành *Phiếu học tập số 1:*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH DỊCH VỤ

Nhiệm vụ: Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

Cột A	Cột B
1. Sự phát triển kinh tế	a. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.
2. Sự phát triển các ngành sản xuất	b. có vai trò định hướng và tạo cơ hội phát triển các ngành dịch vụ.

b) Dân cư và nguồn lao động

- Nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động nâng cao.

c) Vốn và khoa học công nghệ

- Nguồn vốn và đổi mới khoa học công nghệ làm thay đổi hoạt động dịch vụ.

d) Cơ sở hạ tầng

- Cơ sở hạ tầng nước ta hiện đại hóa.

e) Chính sách

- Hệ thống chính sách có vai trò định hướng và tạo cơ hội phát triển các ngành dịch vụ.

g) Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên

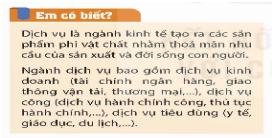
- Vị trí địa lí: nằm gần khu vực kinh tế phát triển năng động Châu Á – Thái Bình Dương.

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa → *Thuận lợi phát*

[5.3.TC2b]: Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân và tập thể để giải quyết các vấn đề khái niệm ... (HS thảo luận nhóm đôi và dùng thao tác "kéo - thả" trên ứng dụng số (Wordwall/Jamboard) để xử lý tình huống ghép nối kiến thức một cách logic và trực quan trên không gian mạng).

3. Hai vùng có ngành dịch vụ phát triển đa dạng là	c. thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động dịch vụ như giao thông, thương mại, du lịch…	*triển ngành du lịch diễn ra quanh năm.*	
4. Nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động nâng cao	d. quyết định đến sự phát triển của ngành dịch vụ.		
5. Nguồn vốn và đổi mới khoa học công nghệ	e. tạo điều kiện để nâng cao chất chất lượng ngành dịch vụ.		
6. Cơ sở hạ tầng hiện đại	g. làm gia tăng nhu cầu sử dụng hoạt động dịch vụ như giao thông vận tải, thương mại….		
7. Chính sách	h. góp phần nâng cao chất lượng và hiện đại hóa nhiều loại hình dịch vụ.		
8. Vị trí địa lí nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động châu Á – Thái Bình Dương	i. tạo thuận lợi mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, xây dựng các tuyến du lịch, giao thông với khu vực thế giới.		
9. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa	k. thuận lợi phát triển ngành du lịch.		

- GV hướng dẫn HS tổng hợp kiến thức từ kết quả *Phiếu học tập số 1* và trả lời câu hỏi: *Phân tích*

vai trò của một trong các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta. - GV hướng dẫn HS đọc mục *Em có biết* SGK tr.144 về *dịch vụ*:  **Em có biết?** Dịch vụ là ngành kinh tế tạo ra các sản phẩm phi vật chất nhằm thoả mãn nhu cầu của sản xuất và đời sống con người. Ngành dịch vụ bao gồm dịch vụ kinh doanh (tài chính ngân hàng, giao thông vận tải, thương mại,...), dịch vụ công (dịch vụ hành chính công, thủ tục hành chính,...), dịch vụ tiêu dùng (y tế, giáo dục, du lịch,...).  *Dịch vụ kinh doanh*  *Dịch vụ công*  *Dịch vụ tiêu dùng*		

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS khai thác thông tin trong mục, hoàn thành *Phiếu học tập số 1* và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận** - GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày kết quả *Phiếu học tập số 1.* - GV mời đại diện 1 – 2 HS nêu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá và kết luận về *các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.* - GV chuyển sang nội dung mới.		

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số ngành dịch vụ.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc nhóm nhỏ (4 – 8HS/ nhóm) khai thác thông tin mục 2 SGK tr.153 – tr.156 và trả lời câu hỏi:

- Trình bày sự phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta.

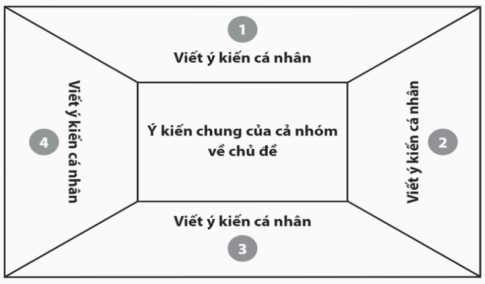
- Trình bày sự phát triển ngành bưu chính viễn thông ở nước ta.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tìm hiểu một số ngành dịch vụ ở nước ta.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS

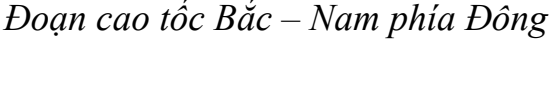
**** Nhiệm vụ 1: Giao thông vận tải*** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt: *+Giao thông vận tải nước ta trong những năm qua phát triển với tốc độ nhanh, mạng lưới không ngừng mở rộng, chất lượng ngày càng nâng cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất sinh hoạt của người dân.* *+ Mạng lưới giao thông vận tải nước ta phát triển đa dạng với các loại hình: đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không…*     - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhỏ (4 – 8 HS/ nhóm), giao nhiệm vụ cụ thể: *Khai thác Hình 9.1, 9.2, thông tin mục 2a và trả lời câu hỏi theo kĩ thuật "Khăn trải bàn".* - Chia lớp thành nhóm nhỏ (4-8 HS). Sử dụng kĩ thuật "Khăn trải bàn" được **số hóa trên Padlet/Miro**. Gửi link cho mỗi nhóm. - Nhóm lẻ: Xác định tuyến đường ô tô, đường sắt (Dùng **Google Earth** để tra cứu thực tế địa hình tuyến đường). - Nhóm chẵn: Cảng biển, sân bay.	**2. Một số ngành dịch vụ** ***a) Giao thông vận tải*** *- Đường ô tô:* + Quốc lộ 1 bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn và kết thúc tại thị trấn Năm Căn, tỉnh Cà Mau. + Quốc lộ 1 đi qua 31 tỉnh, thành phố và 5 vùng kinh tế (trừ Tây Nguyên). - *Cảng hàng không:* Nội Bài (Hà Nội), Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh) là đầu mối vận chuyển hàng không của nước.	2.4.TC2a: Lựa chọn được các công cụ và công nghệ số cho các quá trình hợp tác (Các thành viên trong nhóm dùng điện thoại đồng thời viết ý kiến cá nhân vào 4 góc của "Khăn trải bàn số Padlet", sau đó thống nhất kéo thả ý chính vào ô trung tâm để

 **Hình 10.1.** Bản đồ mạng lưới giao thông Việt Nam năm 2024 - GV hướng dẫn các nhóm làm việc theo kĩ thuật "Khăn trải bàn": *+ HS ngồi vào vị trí đã đánh số trên giấy A4. Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong thời gian 3 phút, ghi lại câu trả lời vào phần giấy của mình.*  *+ Trên cơ sở ý kiến cá nhân, nhóm trưởng sẽ thảo luận, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa tấm khăn trải bàn trong thời gian 5 phút.* *+* ***Nhóm lẻ:*** *Xác định các tuyến đường ô tô, tuyến đường sắt.* *+* ***Nhóm chẵn****: Xác định các cảng biển, cảng hàng không*		chốt đáp án chung).

- GV cung cấp cho HS một số tư liệu về ngành giao thông vận tải nước ta *(Đính kèm phía dưới Nhiệm vụ 1).* - GV hướng dẫn HS đọc mục *Em có biết* SGK tr.147.  **Em có biết?** Theo quyết định số 648/QĐ-TTg năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nước ta có 14 cảng hàng không quốc tế, bao gồm: Vân Đồn, Cát Bi, Nội Bài, Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Cam Ranh, Liên Khương, Long Thành, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ và Phú Quốc. - GV mở rộng kiến thức, đặt câu hỏi cho HS: *Tại sao người ta nói: Để phát triển kinh tế, văn hóa miền núi, giao thông vận tải phải đi trước một bước?* **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận** - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày nội dung tìm hiểu về ngành giao thông vận tải. - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi mở rộng *(Đính kèm phía dưới Nhiệm vụ 1).* - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *ngành giao thông vận tải:* ***Ngành giao thông vận tải được đầu tư lớn và có hiệu quả. Các tuyến đường được đầu tư nâng cấp, các cầu mới được xây dựng.*** - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.		

Tư liệu 1:

Đường bộ Hồ Chí Minh



Đoạn cao tốc Bắc – Nam phía Đông

Đường sắt Thống Nhất

Đường sông Ninh Phúc

Sân bay Nội Bài *Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất* https://youtu.be/y5Vrq5XBmKc?si=WVCrUfmvh7BoRBQM https://youtu.be/b1ZaFl51E70?si=77FQ45L8zKfpnywx		
**** Nhiệm vụ 2: Bưu chính và viễn thông*** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - HS làm việc theo nhóm nhỏ, dựa vào mục 2b SGK tr.148 và trả lời câu hỏi: *Trình bày sự phát triển ngành bưu chính viễn thông ở nước ta.* - GV cung cấp thêm tư liệu về ngành bưu chính viễn thông nước ta *(Đính kèm phía dưới Nhiệm vụ 2).* **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận** - GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày nội dung tìm hiểu về bưu chính viễn thông. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *ngành bưu chính viễn thông:* ***+ Bưu chính: phát triển, mạng lưới rộng lớn khắp cả nước, chất lượng nâng cao nhờ công nghệ.*** ***+ Viễn thông: phát triển nhanh chóng, mạng lưới không ngừng được nâng cao tăng cường ứng dụng công nghệ chuyển đổi số.*** - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	***b. Bưu chính viễn thông*** - Phát triển nhanh, liên tục. - Hoạt động hiệu quả hơn, mang lại giá trị kinh tế - xã hội lớn. - Hiện đại hóa: dẫn đầu xu hướng số hóa và hiện đại hóa trên cả nước. - Phân bố: Mạng lưới bưu chính viễn thông phủ khắp cả nước, hình thành 2 trung tâm bưu chính viễn thông lớn là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.	

Tư liệu 2: *Tính đến năm 2021, ở Việt Nam có các tuyến quang biển quốc tế AAG (Châu Á – Châu Mỹ), APG (Châu Á – Thái Bình Dương), SMW-3 (Đông Nam Á – Trung Đông – Tây Âu), TGN – IA (Liên Á), AAE-1 (Châu Á – Châu Phí – Châu Âu), TVH (Thái Lan – Việt Nam – Hồng Công, Trung Quốc) và SJC2 (Đông Nam Á – Nhật Bản).*

(Nguồn: Bộ thông tin và Truyền thông)

Tư liệu 3: Một số điểm nổi bật của ngành bưu chính viễn thông nước ta.

Bưu chính: chuyển dịch mạnh từ cung cấp dịch vụ bưu chính truyền thống sang cung cấp dịch vụ bưu chính số, hướng tới mục tiêu trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, bưu chính số, của thương mại điện tử. Ngành bưu chính đang thực hiện mã hóa các địa chỉ bưu chính gắn với bản đồ số giúp định vị chính xác vị trí, địa chỉ, nhằm cung cấp thông tin về vị trí của bất kì địa điểm nào, thuận tiệc cho việc giao hàng. Doanh nghiệp bưu chính đang triển khai chương trình hỗ trợ đưa nông sản lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

Viễn thông tập trung ưu tiên hàng đầu cho hoạt động chuyển đổi số, đón đầu, đầu tư có chiều sâu cho công nghệ và dịch vụ phát triển các loại hình dịch vụ mới. Năm 2021, hơn 1 triệu km cáp quang được triển khai đến tận thôn bản, xã phường trên cả nước, vùng phủ 4G phục vụ 99,5% dân số. Việt Nam là 1 trong 5 nước triển khai thương mại mạng di động 5G và sản xuất thiết bị 5G đầu tiên trên thế giới.

https://youtu.be/cZpZuxfCg1A?si=i6aIGn-YEAvI4P39

https://youtu.be/3I9U5ImsEOE?si=F8TKhfpOR41U9CKo

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học về *Dịch vụ*

b. Nội dung:

- GV cho HS làm Phiếu bài tập trắc nghiệm về *Dịch vụ.*

- GV cho HS trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập SGK tr.156.

c. Sản phẩm: Đáp án của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS làm *Phiếu bài tập*, trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm tổng kết bài học *Dịch vụ.*

- GV tổ chức game trắc nghiệm trên Quizizz/Kahoot.

- GV cung cấp mã phòng thi.

- Yêu cầu HS sử dụng thiết bị di động (điện thoại thông minh/máy tính bảng) cá nhân hoặc theo cặp để truy cập, nhập đúng họ tên và mã phòng học để sẵn sàng làm bài.

Trường THCS:…….

Lớp:……..

Họ và tên:…….

PHIẾU BÀI TẬP ĐỊA LÍ 9 – KẾT NỐI TRI THỨC

BÀI 10: DỊCH VỤ

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Hai thành phố nào được nối với nhau bằng đường sắt?

A. Hải Phòng - Hạ Long.

B. Hà Nội - Hà Giang.

C. Đà Lạt - Đà Nẵng.

D. Hà Nội - Thái Nguyên.

Câu 2: Mạng lưới đường sắt của nước ta hiện nay được phân bố như thế nào?

A. Đều khắp các vùng.

B. Tập trung ở miền Bắc.

C. Tập trung ở miền Trung.

D. Tập trung ở miền Nam.

Câu 3: Tính đến năm 2021, nước ta có bao nhiêu cảng hàng không quốc tế?

A. 22 cảng.

B. 12 cảng.

C. 10 cảng.

D. 3 cảng.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

A. Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

B. Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

C. Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.

D. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

Câu 5: Tuyến đường sắt nào đóng vai trò quan trọng nhất nước ta?

A. Đường sắt Hà Nội – Hải Phòng.

B. Đường sắt Hà Nội – Lào Cai.

C. Đường sắt Thống Nhất.

D. Đường sắt Hà Nội – Đà Nẵng.

Câu 6: Tuyến đường nào được xem là xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta?

A. Quốc lộ 1.

B. Đường Hồ Chí Minh.

C. Đường 14.

D. Đường 9.

Câu 7: Đặc điểm nổi bật của ngành bưu chính nước ta là gì?

A. Mạng lưới phân bố đều khắp ở các vùng.

B. Tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.

C. Có trình độ kĩ thuật - công nghệ hiện đại.

D. Đã ngang bằng trình độ chuẩn của khu vực.

Câu 8: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu thúc đẩy việc phát triển giao thông vận tải biển nước ta hiện nay?

A. Hội nhập toàn cầu sâu, rộng.

B. Hoạt động du lịch phát triển.

C. Vùng biển rộng, bờ biển dài.

D. Nhiều vũng, vịnh sâu, kín gió.

Câu 9: Đâu **không** phải là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển giao thông đường biển?

A. Nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

B. Có nhiều đảo, quần đảo ven bờ.

C. Có các dòng biển chạy ven bờ.

D. Nằm gần đường hàng hải quốc tế.

Câu 10: Những khó khăn nào làm tăng chi phí xây dựng và bảo dưỡng mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta?

A. Khí hậu nhiệt đới nóng quanh năm, có một số sông lớn.

B. Địa hình nhiều đồi núi, có khí hậu phân hóa theo mùa.

C. Thiếu vốn đầu tư, cơ sở vật chất kĩ thuật còn yếu kém.

D. Đội ngũ công nhân kĩ thuật chưa thể đáp ứng nhu cầu.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành *Phiếu bài tập.*

- HS sử dụng thiết bị di động truy cập, hoàn thành bài tập trong thời gian 10 phút.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt đọc đáp án đúng.

- Hệ thống tự động chấm điểm và xếp hạng.

- GV chiếu bảng xếp hạng và chữa nhanh câu sai nhiều nhất.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, đọc đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	**A**	**B**	**A**	**C**	**B**
Câu hỏi	6	7	8	9	10
Đáp án	**D**	**B**	**C**	**D**	**C**

[2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác (làm bài kiểm tra trực tuyến)]

- GV chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2. Trả lời câu hỏi bài tập 1 - phần Luyện tập SGK tr.156.

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Hãy lựa chọn một nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ và hoàn thành bảng theo gợi ý sau:*

Nhân tố	***Ảnh hưởng***

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác bảng gợi ý, vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS nhận xét chọn một nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:
- GV chuyển sang nội dung mới.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Củng cố kiến thức đã học về *Dịch vụ*
- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.148.

c. Sản phẩm: Bài tìm hiểu của HS về hai vệ tinh viễn thông đang hoạt động của Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu thông tin về hai vệ tinh viễn thông đang hoạt động của Việt Nam (VINASAT-1 và VINASAT-2).*

HS có thể sử dụng AI để tra cứu thông tin nhanh gọn, sau đó tổng hợp thành 1 trang báo cáo (hoặc poster Canva) nộp qua nhóm Zalo lớp.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế, sưu tầm thêm thông tin từ người thân, người dân địa phương để hoàn thành nhiệm vụ.

HS vận dụng công cụ AI, Internet thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm bằng cách gửi file/ảnh lên nhóm online.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

[6.1.TC2b: Thực hiện các thao tác cơ bản trên AI (HS sử dụng lệnh: *"Hãy tóm tắt năm phóng, vị trí quỹ đạo và vai trò của 2 vệ tinh viễn thông VINASAT-1 và VINASAT-2 của Việt Nam"* vào ChatGPT để thu thập thông tin cốt lõi nhất).]

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ Vai trò của các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ

+ Sự phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ chủ yếu.

- Hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.148.

- Làm bài tập Bài 10 – SBT *Lịch sử và địa lí 9 – phần Địa lí (Kết nối tri thức).*

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 11: Thực hành: Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành thương mại, du lịch.*